

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN MEGAXGROUP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN MEGAXGROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MEGAXGROUP REAL ESTATE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MEGAXGROUP.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109681893

**3. Ngày thành lập:** 24/06/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 117 phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0823789789

Fax:

Email: infomegaxgroup@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản<br>(Điều 62,74 và 75 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014) | 6820(Chính) |
| 2.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                | 4101        |
| 3.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                          | 4102        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                     | 4212        |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                         | 4221        |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                              | 4222        |
| 7.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                | 4229        |
| 8.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                         | 4291        |
| 9.  | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                            | 4293        |
| 10. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                       | 4299        |
| 11. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                           | 4311        |
| 12. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                | 4312        |
| 13. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                            | 4321        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                            | 4322        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                   | 4329        |
| 16. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                   | 4330        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4390 |
| 18. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2392 |
| 19. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;<br>- Bán buôn kính xây dựng;<br>- Bán buôn xi măng;<br>- Bán buôn sơn, vécni;<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;<br>- bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                      | 4663 |
| 20. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; | 4752 |
| 21. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7020 |
| 22. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7730 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức     | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>DIỄN MƯỜI | Khu 5, Xã<br>Phương Viên,<br>Huyện Hạ Hoà,<br>Tỉnh Phú Thọ,<br>Việt Nam                | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 97.000        | 970.000.000              | 97,000       | 132261618                                                                                                              |            |
|     |                     |                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                        | Tổng số                            | 97.000        | 970.000.000              | 97,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                        |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN THU<br>NGA     | Phố Đặng Châu,<br>Phường Duyên<br>Hải, Thành phố<br>Lào Cai, Tỉnh Lào<br>Cai, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 2.000         | 20.000.000               | 2,000        | 063532438                                                                                                              |            |
|     |                     |                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                        | Tổng số                            | 2.000         | 20.000.000               | 2,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                        |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                                     |                                                                                         |                                    |       |            |       |                  |  |
|---|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-------|------------|-------|------------------|--|
| 3 | TRƯƠNG<br>NGUYỄN<br>TRƯỜNG<br>GIANG | Chùa Hạ, Thị<br>Trần Hương<br>Canh, Huyện<br>Bình Xuyên, Tỉnh<br>Vĩnh Phúc, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.000 | 10.000.000 | 1,000 | 0262010036<br>33 |  |
|   |                                     |                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0     | 0          | 0,000 |                  |  |
|   |                                     |                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0     | 0          | 0,000 |                  |  |
|   |                                     |                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0     | 0          | 0,000 |                  |  |
|   |                                     |                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0     | 0          | 0,000 |                  |  |
|   |                                     |                                                                                         | Tổng số                            | 1.000 | 10.000.000 | 1,000 |                  |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN DIÊN MUỖI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/02/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 132261618

Ngày cấp: 14/01/2020

Nơi cấp: Công an tỉnh Phú Thọ

Địa chỉ thường trú: Khu 5, Xã Phương Viên, Huyện Hạ Hoà, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P.1006 khu A, Tòa nhà M3-M4, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội